

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2021/HC-PT

Ngày: 27 - 10 - 2021

V/v: “*Kiến quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Long  
*Các Thẩm phán:* Ông Trương Minh Tuấn  
Ông Trần Quốc Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 243/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà N:* Bà Phan Thị L; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đoàn Ngọc T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021); địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B:* Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền của bà N có bà Phan Thị L, địa chỉ thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đoàn Ngọc T, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1] Theo đơn khởi kiện, quá trình của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ thì nội dung vụ án như sau:*

Nguồn gốc đất của ông T gồm các thửa như sau:

Năm 1998 ông T có ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo hợp đồng số 309/HĐKT ngày 01/7/1998. Năm 2012 ông T ký lại hợp đồng số 08Đ3/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 09/4/2012 đến 21/12/2020 với diện tích là 6.620 m<sup>2</sup>, diện tích thực tế đo đạc là 7.842,2 m<sup>2</sup> (lớn hơn diện tích trong hợp đồng vì Công ty TNHH MTV cà phê B ký hợp đồng đã trừ diện tích bờ lô).

Ngoài diện tích đất trên thì Hoàng Văn T (đã mất) là bố của ông T theo Hợp đồng số 315/HĐKT ngày 01/7/1998 đến 31/12/2020 với Công ty TNHH MTV cà phê B với diện tích giao là 5.075 m<sup>2</sup>. Ông T tặng cho ông T với diện tích đất là 2.000 m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế là 2.469,3 m<sup>2</sup>.

Đến năm 1998 do thiếu đất canh tác nên ông T ký hợp đồng trồng dâu nuôi tằm với Nông trường 11/3 năm 2003 với diện tích đất là 6.000 m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế là 6.060,9 m<sup>2</sup> (hồ sơ không còn lưu trữ).

Tổng diện tích đo đạc thực tế là:  $7.842,2 \text{ m}^2 + 2.469,3 \text{ m}^2 + 6.060,9 \text{ m}^2 = 16.372,4 \text{ m}^2$ . Gia đình ông T đã sinh sống và canh tác 22 năm nay trên diện tích đất trên.

Ngày 05/02/2010 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 430/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.845 m<sup>2</sup> đất tại phường Tự An, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B.

Ngày 08/12/2010 UBND thành phố B ban hành quyết định 3886/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk.

Trong tổng diện tích đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê B, có diện tích đất Công ty cà phê B đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với hộ ông Hoàng Văn T, diện tích là 6.757 m<sup>2</sup>.

Nguồn gốc đất có diện tích là 6.757 m<sup>2</sup> của ông T bị thu hồi như sau: Thu hồi đất thuộc hợp đồng số 309/HĐKT là 696 m<sup>2</sup>, số diện tích còn lại thuộc của hợp đồng số 315/HĐKT và hợp đồng trồng dâu nuôi tằm.

Các khoản hỗ trợ bồi thường cho hộ ông T đối với diện tích thu hồi là 6.757 m<sup>2</sup> gồm có:

- + Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: 108.112.000 đồng.
- + Cây cối hoa màu: 239.006.700 đồng
- + Vật kiến trúc: 5.340.840 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 352.459.540 đồng.

Ngày 04/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7 m<sup>2</sup> đất tại các phường Tân T, T Nhất, Tân Lợi, Tân An, Tân Lập, Tân Hòa, và xã Ea Tu thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B.

Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND thành phố B về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường N19 (đường Giải Phóng nối dài), từ đoạn Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B.

Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk có nội dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk.

Ngày 12/10/2020 UBND thành phố B ban hành quyết định số 7192/QĐ-UBND về việc hủy quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B với lý do: Dự án Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk tại vị trí tổ dân phố 7, phường Tân An đã chấm dứt chủ trương đầu tư tại công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 09/11/2020 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 7873 và 7874 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình công trình đường Giải Phóng đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1 + 2), trong đó có hộ ông Hoàng Văn T bị ảnh hưởng, tổng diện tích đất của ông T bị thu hồi là 14.015 m<sup>2</sup>, bao gồm cả phần diện tích đất đã bị thu hồi tại quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các khoản mà hộ ông T được bồi thường, hỗ trợ trên diện tích đất 16.372,4 m<sup>2</sup> bị thu hồi, gồm có:

- + Bồi thường chi phí đầu tư và đất còn lại
- + Hỗ trợ về vật kiến trúc
- + Hỗ trợ về cây cối hoa màu.

Tổng số tiền nhà nước bồi thường và hỗ trợ cho ông thành (hai đợt) là 1.051.114.658 đồng, ông T đã nhận số tiền trên.

*- Người khởi kiện yêu cầu:*

UBND thành phố B chưa hỗ trợ cho gia đình ông T ổn định đời sống và sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm vì gia đình ông T sống dựa vào quỹ đất bị Nhà nước thu hồi nên đề nghị hỗ trợ theo quy định.

Vì vậy, ông Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy một phần quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và một phần quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông Hoàng Văn T; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho hộ ông T.

*- Ông Đoàn Ngọc T, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cho rằng:*

Quá trình ban hành quyết định số 7873 và 7874 ngày 09/11/2020 UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình công trình đường Giải Phóng đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1 + 2) thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông T là 14.015 m<sup>2</sup>, số tiền bồi thường và hỗ trợ cho ông T là 1.051.114.658 đồng là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất; chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH một thành viên cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có hiệu lực ngày 03/3/2017 nên việc ông T yêu cầu được hỗ trợ là không có cơ sở.

*[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; Điều 93 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T. Hủy một phần các Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và 7874/QĐ-UBND

ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đối với hộ ông Hoàng Văn T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ gia đình ông Hoàng Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*[3] Kháng cáo:* Ngày 24 - 6 - 2021 Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

*[4] Tại phiên tòa phúc thẩm*

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về nội dung khởi kiện: Ông Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B và một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông Hoàng Văn T.

Bản án sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

*“Điều 19. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất*

*Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:*

*1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp sau:*

.....

*d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;*

*2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:*

*b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”*

Và căn cứ tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

*“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:*

*a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai;*

*b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”*

Từ cơ sở đó đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần các Quyết định hành chính bị khởi kiện, để bổ sung Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. UBND thành phố B kháng cáo với lý do bản án sơ thẩm không phù hợp với các quy định của pháp luật đất đai hiện hành trong công tác giải phóng mặt bằng, vào thời điểm thu hồi đất theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 là trước thời điểm Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có hiệu lực ngày 03/3/2017 nên không được áp dụng.

[3] Xét kháng cáo.

Tại Điều 5 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định “*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này*”. Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 nhưng thời điểm này chưa có Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt; mà đến ngày 09/11/2020 UBND tỉnh Đắk Lắk mới ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ; thời điểm này Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 đã có hiệu lực thi hành.

Hơn nữa, yêu cầu “*Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm*” và “*hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất*” khi thu hồi đất của hộ gia đình ông T thì đối chiếu theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì hộ ông Hoàng Văn T thuộc trường hợp được hỗ trợ.

Đồng thời, tại Biên bản xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình được UBND phường Tân An, thành phố B, xác nhận ngày 08/01/2021 thì hộ gia đình ông T có 02 người là ông Hoàng Văn T sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1963 có nghề nghiệp làm nông. Nguồn thu nhập chính và duy nhất là dựa vào thu nhập từ diện tích đất giao khoán với Công ty THHH MTV cả phê B mà không có nguồn thu nhập và công việc nào khác.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm đã hủy một phần các Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hoàng Văn T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ ông Hoàng Văn T theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, HĐXX phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.00 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007334 ngày 02-7-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; UBND thành phố B đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Long**